

Số: 17 /QĐ-KVI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ KHÔI VIỆT

Căn cứ Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 07/11/2009 về việc cho phép thành lập Trường Trung cấp nghề tư thục Du lịch Khôi Việt và Quyết định 2895/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên thành Trường trung cấp Quốc tế Khôi Việt.

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định Điều lệ Trường Trung cấp;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ của Trường Trung cấp Quốc tế Khôi Việt.

Điều 2. Quy chế này được thực hiện đối với các khóa đào tạo trung cấp tuyển sinh từ năm học 2019-2020 trở về sau.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các Phòng, Khoa, Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Trần Thành Đức

QUY CHẾ ĐÀO TẠO

Trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo dục nghề nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định 17/QĐ-KVI ngày 08/07/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Khôi Việt)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Lãnh đạo Trường, các đơn vị thuộc Trường, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh, sinh viên trung cấp các ngành đào tạo giáo dục nghề nghiệp thuộc nhà trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ, mô đun, môn học được tổ chức theo học kỳ, là phương thức đào tạo trong đó người học chủ động lựa chọn để học và tích lũy từng môn học, mô đun theo quy định về vị trí của từng mô học, mô đun cho tới khi hoàn tất toàn bộ chương trình.

2. Người học tích lũy đủ các tín chỉ, mô đun, môn học được quy định trong chương trình của ngành, nghề học thì được xét cấp bằng tốt nghiệp.

Điều 3. Thời gian khóa học và thời gian hoạt động giảng dạy

1. Thời gian đào tạo là thời gian được thiết kế để người học hoàn thành một chương trình cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó, cụ thể:

a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô đun hoặc tín chỉ quy định cho từng chương trình;

b) Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, nếu có nguyện vọng tiếp tục học lên trình độ cao đẳng thì phải tích lũy thêm nội dung văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình:

a) Bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các môn học, mô đun trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học môn học, mô đun thứ nhất đến khi hoàn thành môn học, mô đun cuối cùng của chương trình;

b) Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình là theo Kế hoạch và chương trình đào tạo do nhà trường ban hành, bảo đảm không vượt quá 3 lần thời gian thiết kế cho chương trình từ 1 đến dưới 2 năm học;

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với người học thuộc vào một trong các trường hợp sau:

- Được điều động đi thực hiện nghĩa vụ an ninh - quốc phòng, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tiếp tục học tại trường;

- Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

- Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị (có xác nhận hoặc giấy ra vào viện của Bệnh viện cấp huyện trở lên);

- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học.

d) Nếu người học cùng lúc hai chương trình, thời gian tối đa để hoàn thành hai chương trình bằng thời gian tối đa lớn nhất để hoàn thành một trong hai chương trình và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất.

3. Thời gian tổ chức giảng dạy của nhà trường quy định cụ thể:

a) Thời gian tổ chức giảng dạy của nhà trường trong thời gian từ 7 giờ 30 đến 21 giờ hàng ngày;

b) Tổng thời lượng học tập theo thời khóa biểu đối với một người học trong một ngày không quá 8 giờ. Trong đó, một tuần học không bố trí quá 30 giờ lý thuyết; trong một ngày, không bố trí quá 6 giờ lý thuyết.

Điều 4. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại các cơ sở của Trường. Nhà trường tổ chức giảng dạy ngoài phạm vi của Trường các nội dung về kiến thức văn hóa, an ninh - quốc phòng, giáo dục thể chất và các nội dung thực hành, thực tập, thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Việc thi kết thúc môn học lý thuyết phải được thực hiện tại Trường; việc thi kết thúc môn học, mô đun có cả lý thuyết và thực hành, thực tập chuyên môn, thực tập tốt nghiệp chỉ được thực hiện ngoài Trường trong trường hợp nhà trường không bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện tại Trường.

Điều 5. Kế hoạch đào tạo

1. Căn cứ vào khối lượng kiến thức, yêu cầu kỹ năng quy định của chương trình, thời gian tổ chức lớp học, phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng phân bố số môn học, mô đun cho từng năm học, học kỳ.

2. Trước khi bắt đầu một khóa học, năm học, học kỳ, nhà trường công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ đó.

Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Số lượng học kỳ thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, xét đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học, mô đun; địa điểm thực hiện; giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, mô đun cho từng lớp học cụ thể theo tiến độ đào tạo.

Điều 6. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học người học phải nộp các giấy tờ theo quy định hiện hành của nhà trường. Tất cả giấy tờ khi người học nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Phòng Tổ chức – Quản trị và Phòng Công tác học sinh của Trường.

2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, Hiệu trưởng ký quyết định mở lớp công nhận người đến học là học sinh, sinh viên chính thức của Trường và cấp cho người học:

- a) Thẻ học sinh, sinh viên;
- b) Sổ đăng ký học tập.

3. Khoa chuyên môn, phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Quản trị và Phòng Công tác học sinh, giảng viên chủ nhiệm thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin cho người học về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học thông qua Website của Trường, bảng thông tin, sinh hoạt chủ nhiệm và tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa.

Điều 7. Chuyển ngành, nghề đào tạo

1. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của trường.

2. Quy định cụ thể về chuyển ngành, nghề đào tạo và người học bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Người học có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo;
- b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học;
- c) Người học khi đã được chuyển đổi sang ngành, nghề đào tạo khác thì phải dừng học ngành, nghề đào tạo trước khi chuyển đổi;
- d) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải hoàn thành trước khi bắt đầu học kỳ thứ hai đối với chương trình trình độ trung cấp;
- đ) Không trong thời gian: Tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thời gian học tối đa để người học chuyển ngành, nghề đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành, nghề trước khi chuyển. Các môn học, mô đun chưa hoàn thành thì người học chủ động đăng ký để được học ghép khi có lớp đang đào tạo

theo kế hoạch đào tạo từ ban đầu hoặc người học đề nghị được học tích lũy, thu phí theo quy định.

Điều 8. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho người học có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai của Trường để khi đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp hai bằng.

2. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình

- a) Người học có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình;
- b) Ngành, nghề đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành, nghề đào tạo ở chương trình thứ nhất;
- c) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Trong đó, xếp loại kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất tính đến thời điểm xét học cùng lúc hai chương trình phải đạt loại khá trở lên;
- d) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Người học thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.

4. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Thời gian để người học hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

6) Khoa chuyên môn phối hợp với phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch học tập chương trình thứ 2 cho người học

Điều 9. Nghỉ học tạm thời, nghỉ ốm

1. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu điểm học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng;
- b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị thì phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị (cấp huyện trở lên) hoặc phải có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;
- c) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;
- d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học;
- đ) Vì lý do khác không được quy định tại điểm a, b, c, d của khoản này: Người học phải học xong ít nhất học kỳ thứ nhất tại trường; không thuộc trường hợp bị buộc thôi học.

2. Người học được tạm hoãn học môn học, mô đun theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học, mô đun tạm hoãn đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học, mô đun đó và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị (cấp huyện trở lên);
- b) Có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học, mô đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được Hiệu trưởng chấp thuận.

3. Người học không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, trong trường hợp có lý do chính đáng thì được nghỉ học đột xuất theo quy định của nhà trường và phải hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định, đồng thời phải bảo đảm điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun mới được dự thi kết thúc môn học, mô đun.

4. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

5. Hồ sơ đăng ký nghỉ học tạm thời của người học:

- a) Người học có đơn đề nghị nghỉ học tạm thời;
- b) Người học phải hoàn thành các nghĩa vụ đóng học phí và các nghĩa vụ khác liên quan đúng theo quy định hiện hành của nhà trường.

Điều 10. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

1. Việc miễn, giảm, tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể như sau:

a) Học sinh, sinh viên được miễn học, kiểm tra, thi kết thúc môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo hoặc cao hơn;
- Có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp đã hoàn thành và có điểm đạt yêu cầu của môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc cao hơn so chương trình đào tạo trình độ đang học;
- Có bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp trở lên do cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp thì được miễn học, miễn kiểm tra, thi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc thấp hơn;
- Học sinh, sinh viên là người nước ngoài.

b) Học sinh, sinh viên được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự trong môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

- Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

c) Học sinh, sinh viên được tạm hoãn học môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học theo kế hoạch học tập chung và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế khám chữa bệnh hợp pháp;

- Là phụ nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành;

- Có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được Hiệu trưởng nhà trường hoặc thủ trưởng Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chấp thuận.

d) Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, hoặc là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động được Hiệu trưởng nhà trường hoặc thủ trưởng Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh xem xét, quyết định cho miễn học môn học hoặc giảm một số nội dung trong môn học mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

đ) Học sinh học chương trình đào tạo trình độ trung cấp là đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp THCS, THPT (hoặc học xong chương trình trung học phổ thông nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp), Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định miễn giảm cho người học một số nội dung của môn học mà người học đã hoàn thành ở chương trình trung học phổ thông và phải bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

e) Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh phải có đơn và hồ sơ minh chứng gửi về Khoa chuyên môn quản lý môn học phối hợp với phòng Đào tạo xem xét tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định cho phép miễn, giảm, tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hết thời gian tạm hoãn, Trường bố trí cho học sinh, sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

2. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô đun trong chương trình của Trường trong trường hợp người học đã được công nhận tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương, trong đó có môn học, mô đun có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với môn học, mô đun trong chương trình của Trường.

3. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

4. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 của CEFR, quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tin học thuộc các môn học chung trong trường hợp người học có kết quả kiểm tra đầu vào của trường đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

6. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc các môn học chung trong trường hợp người học là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; người học trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên.

7. Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm học một số môn học, mô đun hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

8. Bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập

a) Người học được bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập của các môn học, mô đun đạt yêu cầu từ chương trình đào tạo của nhà trường, của trường nơi chuyển đi trong trường hợp chuyển trường, của một trong hai trường thực hiện liên kết đào tạo trong trường hợp học cùng lúc hai chương trình;

b) Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm.

9. Người học có nhu cầu được miễn trừ; bảo lưu điểm và công nhận kết quả học tập phải có đơn đề nghị được Hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

Điều 11. Chuyển trường

1. Người học chuyển trường theo quyết định của Hiệu trưởng nhà trường được cho phép chuyển đi và đồng ý tiếp nhận của Hiệu trưởng nhà trường được chuyển đến để tiếp tục học tập theo đúng quy định.

2. Người học chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì Hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho người học chuyển đi học ở một trường khác khi người học đó bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đơn đề nghị chuyển trường;

b) Không trong thời gian: Điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đã hoàn thành ít nhất một học kỳ tại trường nơi chuyển đi nhưng không vào học kỳ cuối cùng của khóa học;

d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi và có cùng hình thức đào tạo;

3. Hiệu trưởng quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận công nhận hoặc không công nhận kết quả học tập của người học ở trường nơi chuyển đến.

4. Thời gian tối đa cho người học chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

Điều 12. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên: Do nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm) với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên;

- Quy trình:

Bước 1: Nhà giáo triển khai hoạt động kiểm tra

Bước 2: Nhà giáo tổ chức chấm bài, công nhận kết quả;

Bước 3: Nhà giáo trả bài và ghi điểm vào sổ theo quy định; nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo.

b) Kiểm tra định kỳ:

- Được quy định trong chương trình môn học, mô đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên.

- Quy trình:

Bước 1: Nhà giáo phải thông báo trước cho người học ngày kiểm tra;

Bước 2: Đến ngày kiểm tra nhà giáo triển khai hoạt động kiểm tra;

Bước 3: Nhà giáo tổ chức chấm bài, công nhận kết quả;

Bước 4: Tối đa 3 ngày kể từ ngày kiểm tra nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun thực hiện ghi sổ liên quan theo quy định và đọc điểm kiểm tra định kỳ trước lớp khi có giờ giảng liên kế của buổi dạy có thực hiện kiểm tra.

c) Số bài kiểm tra cho từng môn học, mô đun cụ thể được thực hiện theo kế hoạch và chương trình đào tạo, bảo đảm trong một môn học, mô đun có ít nhất 1 điểm kiểm tra thường xuyên, 1 điểm kiểm tra định kỳ; đồng thời đảm bảo 1 tín chỉ phải có ít nhất 1 lần kiểm tra (thường xuyên hoặc định kỳ).

d) Người học không dự kiểm tra nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (không) cho bài kiểm tra đó. Trường hợp có lý do chính đáng thì được nhà giáo giảng dạy mô đun, môn học tổ chức kiểm tra bổ sung.

2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

a) Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi

chính; ngoài ra, nhà trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi. Đối với một số nghề đặc thù nhà trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun ngay sau khi giảng dạy xong môn học, mô đun;

b) Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

c) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với hình thức thi vấn đáp từ 10 đến 20 phút/người học; thời gian làm bài thi đối với hình thức thi trắc nghiệm từ 45 đến 90 phút; thời gian làm bài thi đối với hình thức thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên có thời gian thực hiện từ 2-8 giờ/người học;

d) Khoa chuyên môn có trách nhiệm: Thông báo lịch thi của kỳ thi chính trước kỳ thi ít nhất 4 tuần theo thời gian của tiến độ đào tạo; lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần, chậm nhất là tuần đầu của học kỳ tiếp theo hoặc trong học kỳ của học kỳ cuối theo tiến độ đào tạo. Trong kỳ thi, từng môn học, mô đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô đun trong cùng một buổi thi của một người học;

đ) Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô đun được thực hiện trong phạm vi giờ dạy được phân bổ theo chương trình đào tạo đã được duyệt: Thời gian ôn thi được khuyến khích thực hiện theo tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập nhưng không quá 3 ngày/1 môn thi; tất cả các môn học, mô đun thi. Khoa chuyên môn bố trí giảng viên phải hướng dẫn ôn thi đảm bảo 1 tín chỉ hướng dẫn ôn thi không quá 1 giờ đối với môn học lý thuyết và 2 giờ đối với các môn học, mô đun thực hành, thực tập; đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

e) Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô đun ít nhất 5 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô đun từ 1-2 ngày làm việc;

g) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giảng viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trình Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác; bài thi, văn bản liên quan và kết quả thi được lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; thực hiện công tác nhập điểm thi vào phần mềm quản lý đào tạo, nộp danh sách người học và bảng điểm tổng kết môn học, mô đun về phòng Đào tạo để thực hiện quản lý đào tạo, kiểm tra;

h) Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

i) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô đun.

Điều 13. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun, học và thi lại

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun.

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường;

- Còn số lần (2 lần) dự thi kết thúc môn học, mô đun theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được Hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra;

c) Quy trình thực hiện thi kết thúc môn, mô đun:

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lập kế hoạch thi trình Ban Giám hiệu nhà trường phê duyệt và gửi về các Khoa trước 4 tuần;

- Tổ chức bốc thăm đề thi hoặc tiếp nhận đề thi từ khoa trước 1 tuần, tiến hành in sao, bảo mật và lưu trữ đề thi theo đúng quy định;

- Lập danh sách học sinh, sinh viên dự thi và danh sách phân công giảng viên coi thi từ các Khoa;

- Tiến hành tổ chức thi theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun.

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun tại kỳ thi chính nếu điểm môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ phụ do nhà trường tổ chức;

b) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 (không) cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng (có giấy tờ minh chứng lý do chính đáng có liên quan sức khỏe cá nhân người học hoặc lý do đặc biệt bất khả kháng của người học trước khi bắt đầu thực hiện kỳ thi) thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

3. Học và thi lại.

a) Người học phải học và thi lại môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;
- Đã hết số lần (2 lần) dự thi kết thúc môn học, mô đun nhưng điểm môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu;

b) Người học thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, mô đun lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều này mới được dự thi kết thúc môn học, mô đun;

c) Trường hợp không còn môn học, mô đun do điều chỉnh chương trình thì Khoa chuyên môn phải đề xuất Hiệu trưởng xem xét quyết định chọn môn học, mô đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo;

d) Quy trình để triển khai học lại:

- Bước 1: Người học làm đơn học lại;
- Bước 2: Người học nộp học phí, lệ phí theo quy định;
- Bước 3: Khoa chuyên môn lập kế hoạch tổ chức học lại, bố trí nhà giáo giảng dạy gửi về phòng Đào tạo để trình Ban Giám hiệu phê duyệt; gửi thời khóa biểu về phòng Đào tạo để theo dõi; hoặc đề xuất người học được học ghép khi có lớp đang dạy cùng môn học, mô đun;

- Bước 4: Thực hiện giảng dạy theo kế hoạch.

Điều 14. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô đun

1. Nội dung đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô đun đã được quy định trong chương trình đào tạo;

b) Nhà trường xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc môn học, mô đun của tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của nhà trường. Ngân hàng đề thi được phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lưu trữ; đề thi phải được phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của trường và được Hiệu trưởng duyệt trước khi thi;

c) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trình Ban Giám hiệu duyệt trước khi thi;

2. Chấm thi

a) Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô đun phải do ít nhất 2 giảng viên chấm thi, cho điểm độc lập nhau và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của người dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi theo quy định;

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi; trường hợp điểm của các giảng viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm

trở lên (theo thang điểm 10) thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi lại mà chưa thống nhất được điểm thì trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c) Bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên dụng và việc chấm phúc khảo do Hiệu trưởng quy định;

3. Đối với người học không đủ điều kiện dự thi hoặc vắng mặt buổi thi không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (không) cho lần thi đó.

4. Công bố điểm thi

a) Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết sau ngay sau khi chấm;

b) Đối với các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, thực hành nhưng phải cần đến thiết bị hỗ trợ để chấm phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong;

c) Sau khi công bố điểm thi kỳ thi phụ cho người học, nhà giáo rà soát danh sách người học phải học lại và nộp danh sách người học học lại (nếu có) về Khoa chuyên môn (1 bản) để theo dõi, bố trí nhà giáo giảng dạy và tổ chức cho học sinh, sinh viên đăng ký học lại.

Điều 15. Cách tính điểm môn học, mô đun, điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khoá học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Điểm môn học, mô đun

a) Điểm môn học, mô đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

$$D_{TKM} = 0,4 \times \frac{(\sum_{i=1}^m D_{TX} + 2 \cdot \sum_{i=1}^n D_{ĐK})}{m + 2n} + 0,6 \times D_T$$

Trong đó:

- D_{TKM} : Điểm tổng kết môn học, mô đun.
- D_{TX} : Điểm kiểm tra thường xuyên.
- $D_{ĐK}$: Điểm kiểm tra định kỳ.
- D_T : Điểm thi kết thúc môn học, mô đun.
- n : Số lần kiểm tra định kỳ.
- m : Số lần kiểm tra thường xuyên.

c) Điểm môn học, mô đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 *đạt từ 4,0 trở lên*;

2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: Là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: Là số thứ tự môn học, mô đun;

+ a_i : Là điểm của môn học, mô đun thứ i;

+ n_i : Là số tín chỉ của môn học, mô đun thứ i;

+ n: Là tổng số môn học, mô đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô đun đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học, mô đun mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;

c) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học, điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, mô đun được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, mô đun được miễn trừ và môn học điều kiện;

d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, mô đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô đun đó trong thời gian được tạm hoãn;

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô đun có điểm cao nhất.

4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Điều 16. Xử lý người học vi phạm về thi, kiểm tra

1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai; trường hợp tổ chức thi, kiểm tra hộ sẽ bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ nhất.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý người học vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp được thực hiện như sau:

a) Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: Áp dụng đối với người học phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với người học khác trong giờ kiểm tra, thi;

b) Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: Áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó;

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho người khác;

- Chép bài kiểm tra, bài thi của người khác; những bài kiểm tra, bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, nếu người học bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị sao chép trước khi nộp bài thì được Hiệu trưởng xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách, nếu bị sao chép sau khi nộp bài thì không bị xử lý.

c) Đình chỉ làm bài và nhận điểm 0 (không) cho bài kiểm tra, bài thi: Áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó;

- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép đem vào phòng thi;

- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;

- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa người học khác;

- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi;

- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường;

- Dùng bài kiểm tra, bài thi của người khác để nộp;

- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi;

- Người học sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.

Điều 17. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp

1. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập

a) Người học được công nhận tốt nghiệp được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trước khi cấp bằng tốt nghiệp;

b) Người học được công nhận tốt nghiệp được Hiệu trưởng cấp bằng điểm theo từng môn học, mô đun cho toàn khóa học. Trong đó ghi rõ ngành, nghề đào tạo, hình

thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có);

c) Bảng điểm được cấp sau khi người học có quyết định công nhận tốt nghiệp, muộn nhất trong ngày trao bằng tốt nghiệp;

d) Người học chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô đun đã học trong chương trình của trường, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do người học chưa được công nhận tốt nghiệp.

2. Nhà trường tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc thi môn học, mô đun cuối cùng trong chương trình.

Điều 18. Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo

1. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ vĩnh viễn

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; văn bản của trường phê duyệt ban hành sửa đổi, bổ sung chương trình; hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định về quản lý đào tạo;

b) Văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, văn bản phê duyệt danh sách người học nhập học hoặc mở lớp;

c) Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của người học theo học kỳ, năm học, khóa học;

d) Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp cho người học các lớp, các khóa đào tạo: Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; danh sách người học dự thi và kết quả từng môn thi, phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học; biên bản họp của các hội đồng; quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho người học;

đ) Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp;

e) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bản lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học;

h) Hồ sơ liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài, đào tạo theo địa chỉ;

i) Hồ sơ kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo của trường; hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc theo dõi và bảo đảm chất lượng đào tạo;

k) Hồ sơ, tài liệu hoạt động của Hội đồng về đào tạo của Trường.

2. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học.

a) Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo (sổ tay nhà giáo, giáo án) được lưu trữ tại khoa chuyên môn;

b) Các hồ sơ, tài liệu của Trường liên quan đến tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun: Kế hoạch thi và lịch thi, các biên bản họp về thi kết thúc môn học, mô-đun, danh sách người học dự thi và kết quả từng môn thi, phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi, kết quả thi kết thúc môn học, mô đun lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

c) Bảng điểm từng môn học, mô đun của người học bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm môn học, mô đun có chữ ký của nhà giáo giảng dạy và cán bộ quản lý; điểm môn học, mô đun 1 bản lưu tại Khoa chuyên môn, 1 bản tại phòng Đào tạo;

d) Hồ sơ, công văn trao đổi về công tác đào tạo;

3. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 5 năm kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học:

a) Hồ sơ về công tác tổ chức chấm phúc khảo các bài thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

b) Sổ lên lớp/sổ đầu bài cho từng lớp học lưu trữ tại phòng Đào tạo;

4. Các loại hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất 1 năm kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học:

a) Đề cương hướng dẫn ôn thi; các biên bản về lựa chọn đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

b) Thời khóa biểu lưu trữ tại Khoa 1 bản và văn bản phân công nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun lưu trữ tại Phòng Đào tạo;

5. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ít nhất đến thời điểm khóa học kết thúc: Đề cương hướng dẫn ôn thi kết thúc môn học, mô đun các biên bản về bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bàn giao bài thi kết thúc, môn học, mô đun; đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun.

6. Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ và trên Hệ thống iOffice. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ; phòng Quản lý đào tạo, các khoa và Văn thư nhà trường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ lưu trữ tài liệu theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THEO PHƯƠNG THỨC TÍCH LŨY TÍN CHỈ HOẶC MÔ ĐUN

Điều 19. Tổ chức lớp học

1. Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo môn học, mô đun được giảng dạy trong trường. Nếu số

lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang học những môn học, mô đun khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

2. Chương trình thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ tổ chức đào tạo theo học kỳ, một năm tổ chức 2 học kỳ chính; ngoài ra nhà trường có thể sẽ tổ chức thêm một học kỳ phụ.

Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

Điều 20. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo kế hoạch đào tạo dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ; chương trình môn học, mô đun dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng môn học, mô đun, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các môn học, mô đun.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, người học phải đăng ký học các môn học, mô đun dự định sẽ học trong học kỳ đó với nhà trường. Có 3 hình thức đăng ký các môn học, mô đun sẽ học trong mỗi học kỳ: Đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho người học muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang môn học, mô đun khác khi không có lớp;

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học xếp loại kết quả học tập từ trung bình trở lên;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học xếp loại kết quả học tập loại yếu;

c) Đối với học kỳ phụ không quy định khối lượng học tập tối thiểu; số tín chỉ tối đa là 10 tín chỉ;

4. Người học đang trong thời gian bị xếp loại học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những người học xếp loại kết quả học tập từ trung bình trở lên.

5. Người học được quyền đăng ký học lại đối với các môn học, mô đun bị điểm D theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

6. Trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của người học ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của người học theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do nhà trường lưu giữ.

Điều 21. Rút bớt môn học, mô đun đã đăng ký

1. Việc rút bớt môn học, mô đun trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, môn học, mô đun vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu người học không đi học môn học, mô đun này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

2. Điều kiện rút bớt các môn học, mô đun đã đăng ký:

- a) Người học phải có đơn đề nghị gửi nhà trường;
- b) Không vi phạm khoản 3 Điều 20 của Quy chế này;
- c) Có số người học đăng ký không đủ số lượng để tổ chức giảng dạy;
- d) Người học chỉ được phép bỏ lớp đối với các môn học, mô đun đã đăng ký xin rút bớt khi đã được nhà trường chấp thuận.

Điều 22. Quy đổi điểm môn học, mô đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

1. Quy đổi điểm môn học, mô đun.

a) Điểm môn học, mô đun được tính theo khoản 1 Điều 15 của Quy định này theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

- Loại đạt:

Thang điểm 10	Điểm chữ	Xếp loại
8,5 - 10	A	Giỏi
7,0 - 8,4	B	Khá
5,5 - 6,9	C	Trung bình
4,0 - 5,4	D	Trung bình yếu

- Loại không đạt:

Dưới 4,0	F	Kém
----------	---	-----

b) Đối với những môn học, mô đun chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

c) Đối với những môn học, mô đun được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả;

d) Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Đối với những môn học, mô đun mà người học đã có đủ điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0 (không);

- Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có đủ điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ mà trước đó người học được nhà giáo cho phép nợ;

- Chuyển đổi từ các trường hợp X qua;

đ) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở điểm d khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F;

e) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được nhà trường cho phép;

- Người học không thể dự đủ kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ hoặc thi hết môn học, mô đun vì những lý do khách quan, được nhà trường chấp thuận;

- Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, người học nhận mức điểm I phải trả xong các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp người học chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không thuộc trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

g) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học, mô đun mà phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ Khoa chuyển lên;

h) Kí hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Điểm môn học, mô đun được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học, mô đun được phép thi sớm để giúp người học học vượt;

- Những môn học, mô đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình;

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học, mô đun phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 và xếp loại như sau:

A tương ứng với 4 B tương ứng với 3 C tương ứng với 2 D tương ứng với 1 F tương ứng với 0

3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo khoản 2 Điều 15 của Quy chế này, qui về thang điểm 4.

Điều 23. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng tích lũy người học được xếp hạng năm đào tạo: Người học năm thứ nhất, người học năm thứ hai, người học năm thứ ba. Tùy thuộc khối lượng kiến thức, kỹ năng trong từng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức, kỹ năng để chuyển xếp hạng năm đào tạo.

2. Xếp loại kết quả học tập

a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- Loại yếu: Điểm trung bình chung tích lũy thấp hơn 2,00.

b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ được xếp loại kết quả học tập (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này);
- Có một môn học hoặc một mô đun trở lên trong học kỳ phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại người học về học lực.

Điều 24. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép của một chương trình đào tạo. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được dựa trên các điều kiện quy định tại điểm a khoản này, cụ thể như sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với người học năm thứ nhất dưới 1,40 đối với người học năm thứ hai, dưới 1,60 đối với người học năm thứ ba;

b) Nhà trường sẽ tiến hành cảnh báo kết quả học tập không quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;

b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;

3. TỰ THÔI HỌC

Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:

a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được Hiệu trưởng chấp thuận.

4. Người học tự thôi học làm đơn đề nghị được thôi học được sự đồng ý của Hiệu trưởng sẽ được tiếp tục tham gia tuyển sinh, học ở kỳ tuyển sinh tiếp theo nếu có nhu cầu.

Điều 25. Điều kiện tốt nghiệp

1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số môn học hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;

c) Đảm bảo chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định trong chương trình đào tạo;

d) Không trong thời gian: Bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

e) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

3. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 26. Xếp loại tốt nghiệp

1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có một môn học hoặc một mô đun trở lên trong khóa học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô đun được miễn trừ);

b) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này) trong thời gian học tập tại trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Chế độ thông báo công khai

Trước khi bắt đầu khóa học, nhà trường phải thông báo công khai:

1. Cam kết chất lượng đào tạo; mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề đào tạo; điều kiện bảo đảm chất lượng; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đối với từng ngành, nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, người học và tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các nội dung phải thông báo công khai chậm nhất một tháng trước khi bắt đầu các học kỳ:

- Kế hoạch đào tạo đối với học kỳ; danh sách, chương trình các môn học, mô đun dự kiến sẽ thực hiện; điều kiện tiên quyết, số bài kiểm tra, hình thức thi, nội quy thi, thời gian thi kết thúc môn học, mô đun; giáo trình hoặc tài liệu được sử dụng cho từng môn học, mô đun cụ thể;

- Thông tin về từng giáo viên giảng dạy trong học kỳ đó, bảo đảm ít nhất các nội dung sau: Họ và tên, năm sinh, thâm niên giảng dạy, chức vụ hoặc chức danh; cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc chính, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, kinh nghiệm giảng dạy, giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy đã biên soạn hoặc tham gia biên soạn đã được công bố.

3. Ngoài công khai về đào tạo được quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, nhà trường thực hiện công khai các vấn đề liên quan đến đào tạo của Trường đúng quy định hiện hành về thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 28. Chế độ báo cáo

Nhà trường báo cáo bằng văn bản tình hình đào tạo của Trường theo năm thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 29. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Tùy theo chức năng và nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Trường tham mưu tổ chức thực hiện Quy chế này theo đúng quy định hiện hành.

2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành./.